

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt
2. Ông Trần Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị H, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 65, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thái T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 105, ấp H, xã T, huyện B, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thái T kết hôn vào năm 2013, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B vào năm 2013. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tình cảm.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do anh T tham gia đánh bạc gây nợ nần, chị H có khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh

phúc. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6/2021 đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau anh chị không có hàn gắn tình cảm.

Nay chị Lê Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thái T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Thị Hương L, sinh ngày 09/10/2012. Hiện con chung đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Thị Hương L, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thái T đã được Toà án tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T không có văn bản ghi ý kiến về việc chị H yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Thái T có địa chỉ tại xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thái T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 20/02/2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được, anh T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và về kinh tế của gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, anh T không chăm lo làm ăn để cùng chị H xây dựng hạnh phúc gia đình mà còn tham gia đánh bạc gây nợ nần, chị H có khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, từ đó khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm được, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có một con chung tên Lê Thị Hương L, sinh ngày 09/10/2012. Hiện nay, con chung đang sống với chị H. Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hương L, anh T không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Hương L sống với chị H đã ổn định, phát triển tốt về mọi mặt, thuận lợi cho việc học tập và điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu tại Văn bản ghi ý kiến ngày 11/01/2022. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thái T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Thị Hương L, sinh ngày 09/10/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu.

Chị H và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001314 ngày 17/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện B, Đồng Tháp (Số ĐKKH: 24, ngày 20/02/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ